

Si Pa Phìn, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI BỔ SUNG
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

IX. Thời gian: 08h00, ngày 31/12/2025

X. Địa điểm: Trường Mầm non Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên

III. Thành phần tham dự gồm:

- Bà: Lường Vũ Ngọc Duyên – Hiệu trưởng - Trưởng ban quản trị đời sống
- Bà: Lường Thị Phương Chiêu – Phó Hiệu trưởng
- Bà: Lò Thị Hà – Phó Hiệu trưởng
- Bà: Nguyễn Thuý Hằng – Nhân viên Kế toán
- Bà: Vàng Thị Thành – Thư ký Hội đồng

IV. Nội dung

Trường Mầm non Si Pa Phìn đã tiến hành niêm yết, công khai việc giao dự toán chi ngân sách năm 2025 theo thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Công khai việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025.

Thời gian niêm yết: Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Địa điểm: Bảng tin .

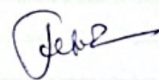
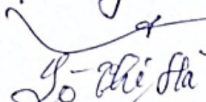
Thời gian kết thúc: Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Biên bản kết thúc vào hồi 8 giờ 30 phút cùng ngày.

Thư ký

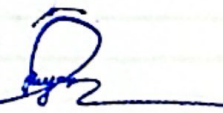

Vàng Thị Thành

**Chữ kí các thành viên
tham dự niêm yết**


Nguyễn Thuý Hằng

Lường Thị Phương Chiêu

Lò Thị Hà

HIỆU TRƯỞNG




Lường Vũ Ngọc Duyên

Đơn vị: Trường Mầm Non Si Pa Phìn
 Chương: 822
 Mã DVQHNS: 1085785



BIỂU CÔNG KHAI BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
 (Kèm Biên bản nậm yết công khai ngày 31/12/2025)

(Đơn vị: đồng)

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu,chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	0
	Nhiệm vụ khoa học công cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	329.570.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	219.570.000
3.1.1	Chi lương và các khoản chi phí hoạt động	219.570.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	110.000.000
3.2.1	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	
3.2.2	Kinh phí hỗ trợ học phí theo nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	
3.2.3	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	110.000.000
3.2.4	Chi thu nhập tăng thêm theo nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi Chương trình mục tiêu	